TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **194**/2020/DS-PT.
Ngày: 24/12/2020
"Tr/c hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà ***Hoàng Thị Thu Hường***;

Các Thẩm phán: Bà ***Nguyễn Thị Kim Hường;***

Ông ***Phạm Sanh Hiền.***

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà ***Nguyễn Thị Ngọc Mỹ*** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang***: Bà ***Trần Thị Lành*** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 201/2020/TLPT-DS ngày 18 tháng 11 năm 2020 về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do Bản án sơ thẩm số: 32/2020/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 173/2020/QĐPT-DS ngày 30 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh ***Nguyễn Thanh L***, sinh năm 1984

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn Thứ 11, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn*: Anh ***Võ Việt C***, sinh năm 1980

Chị ***Nguyễn Thị L1***, sinh năm 1977

Cùng địa chỉ: Khu phố 1, thị trấn Thứ 11, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Người kháng cáo: Nguyên đơn anh Nguyễn Thanh L, bị đơn anh Võ Việt C.

Anh L có đơn xin xét xử vắng mặt; anh C, chị L1 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn anh Nguyễn Thanh L trình bày:**

Từ tháng 8/2016 đến ngày 25/5/2018 anh C, chị L1 có vay tiền của anh nhiều lần với tổng số tiền 570.000.000 đồng. Cho đến ngày 25/5/2018, hai bên thống nhất thỏa thuận số tiền gốc tính đến thời điểm này anh C, chị L1 còn nợ anh là 570.000.000 đồng, lãi suất 10%/năm, 03 tháng trả lãi một lần vào ngày 23, thời gian trả gốc 36 tháng (tức ngày 31/5/2021). Việc thỏa thuận giữa hai bên có viết giấy nhận nợ, trong đó anh, anh C, chị L1 có ký và tự ghi họ tên, mỗi bên giữ một bản.

Đồng thời, trong giấy nhận nợ có ghi tài sản để đảm bảo cho khoản nợ trên là phần đất và nhà hiện gia đình anh C, chị L1 đang sinh sống là quyền sử dụng đất số: BD 722264, diện tích 5.710m^2, địa chỉ: Khu phố 1, thị trấn Thứ 11, huyện A, tỉnh Kiên Giang thửa đất số 83, 83 D tờ bản đồ số 02 do UBND huyện A cấp ngày 31/5/2011 đứng tên anh Võ Việt C. Tuy nhiên, anh C, chị L1 chỉ giao bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh giữ, còn phần đất vợ chồng anh C chị L1 vẫn đang quản lý, sử dụng.

Từ khi chốt nợ đến nay anh C, chị L1 không trả lãi cho anh; chị L1 có gửi trả cho anh nhiều lần tiền gốc được 12.600.000 đồng nên anh C, chị L1 còn nợ lại 557.400.000 đồng.

Ngoài ra, chị L1 có mượn tiền của anh để đóng hụi chết 50.500.000 đồng, đóng lãi ngân hàng với số tiền 7.700.000 đồng, tổng cộng 58.200.000 đồng.

Nay anh yêu cầu anh C, chị L1 phải trả cho anh tổng số tiền 727.080.000 đồng. Trong đó: Tiền vay gốc 557.400.000 đồng, tiền mượn đóng hụi 50.500.000 đồng, tiền mượn đóng lãi ngân hàng 7.700.000 đồng và tiền lãi 10%/năm của 557.400.000 đồng là 111.480.000 đồng (tạm tính từ ngày 25/5/2018-25/5/2020). Đồng thời yêu cầu anh C, chị L1 phải tiếp tục trả lãi của số tiền 557.400.000 đồng từ ngày 26/5/2020 đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án theo mức lãi suất thỏa thuận 10%/năm.

Anh L tự nguyện trả lại cho anh C quyền sử dụng đất số: BD 722264, diện tích 5.710m^2, địa chỉ: Khu phố 1, thị trấn Thứ 11, huyện A, tỉnh Kiên Giang thửa đất số 83, 83 D tờ bản đồ số 02 do UBND huyện A cấp ngày 31/5/2011 đứng tên Võ Việt C khi anh C, chị L1 trả xong khoản nợ trên.

*** Bị đơn Võ Việt C trình bày:**

Thống nhất với ý kiến, yêu cầu của nguyên đơn nêu trên về thời gian chốt số tiền vay 570.000.000 đồng vào ngày 25/5/2018 và việc thỏa thuận ký giấy nhận nợ, kể cả việc giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất anh L đang quản lý. Ngoài ra, anh chỉ thiếu anh L thêm 7.700.000 đồng tiền mượn để trả lãi ngân

hàng, không thiếu anh L số tiền 50.500.000 đồng tiền đóng hụi như anh L trình bày.

Tuy giấy nhận nợ có thỏa thuận nội dung như anh L trình bày nhưng giữa vợ chồng anh với anh L có thỏa thuận bằng miệng, nội dung vợ chồng anh không trả lãi cho anh L mà chỉ trả số tiền gốc cho anh L khi đến hạn là ngày 31/5/2021; nên anh chị không trả lãi cho anh L đồng nào mà trả cho anh L nhiều lần tiền gốc như anh L đã trình bày.

Nay anh chỉ đồng ý trả cho anh L tổng số tiền nợ còn lại là 565.100.000 đồng, trong đó: Tiền vay gốc 557.400.000 đồng, tiền mượn đóng lãi ngân hàng 7.700.000 đồng, ngoài ra không đồng ý trả thêm gì. Đồng thời yêu cầu anh L trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng anh.

*** Bị đơn chị Nguyễn Thị L1 trình bày:**

Thống nhất với ý kiến trình bày và yêu cầu của anh L. Tuy nhiên, đối với số tiền mượn để đóng hụi chết thì chỉ chị mượn anh L chứ anh C không liên quan gì.

Nay chị đồng ý trả cho anh L tổng số tiền còn nợ là 615.600.000 đồng. Trong đó: Tiền vay gốc: 557.400.000 đồng, tiền mượn đóng hụi 50.500.000 đồng, tiền đóng lãi ngân hàng 7.700.000 đồng. Nhưng hẹn đến ngày 31/5/2021 trả đủ một lần 565.100.000 đồng đối với tiền vay gốc và tiền mượn đóng tiền lãi ngân hàng; còn đối với tiền mượn đóng hụi 50.500.000 đồng hẹn mỗi tháng trả 1.000.000 đồng đến khi nào đủ 50.500.000 đồng, không đồng ý trả lãi.

*** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 32/2020/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:**

Xử:

1. Buộc anh Võ Việt C, chị Nguyễn Thị L1 phải trả cho anh Nguyễn Thanh L tổng cộng 132.613.340 đồng, trong đó tiền lãi 124.913.340 đồng, tiền mượn đóng lãi Ngân hàng 7.700.000 đồng.

Buộc chị Nguyễn Thị L1 phải trả cho anh Nguyễn Thanh L số tiền 50.500.000 đồng tiền mượn đóng hụi còn thiếu.

2. Bác một phần yêu cầu của anh Nguyễn Thanh L buộc anh Võ Việt C, chị Nguyễn Thị L1 phải trả cho anh số tiền vay gốc 557.400.000 đồng, trong tổng số tiền 740.513.340 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

*** Ngày 11/9/2020, nguyên đơn Nguyễn Thanh L có đơn kháng cáo với nội dung:**

Yêu cầu buộc anh C, chị L1 trả cho anh số tiền hụi 50.500.000 đồng vì khi giao nhận hụi anh C là người trực tiếp nhận phần tiền hụi hốt đầu và là người trực tiếp tính toán phần hụi với anh L và tại phiên tòa sơ thẩm chị L1 thừa nhận phần hụi chị L1 dùng để trang trải chi phí sinh hoạt trong gia đình. Đồng thời, buộc anh C, chị L1 trả cho anh một lần tiền vay gốc 557.400.000 đồng trước hạn ngày 31/5/2021.

*** Ngày 08/9//2020, bị đơn Võ Văn C có đơn kháng cáo với nội dung:**

Không đồng ý trả lãi cho anh L số tiền 124.913.340 đồng vì trước đây anh L có nói sẽ không tính lãi trong thời hạn 36 tháng và yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm thu thập thêm tài liệu chứng cứ.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu quan điểm về việc tuân theo tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử ở giai đoạn phúc thẩm là đúng quy định của pháp luật.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 289, Điều 295, khoản 3 Điều 296, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của anh Võ Việt C, không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Thanh L, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 32/2020/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn anh Nguyễn Thanh L có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Nguyễn Thị L1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 296 – Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án.

Bị đơn anh Võ Việt C có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do và không có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 289, Điều 295, khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của anh C.

[2].Về nội dung:

Xét kháng cáo của anh Nguyễn Thanh L và đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Đối với số tiền vay gốc 557.400.000 đồng: Các bên đương sự đều thống nhất anh Võ Việt C, chị Nguyễn Thị L1 còn nợ anh Nguyễn Thanh L 557.400.000 đồng, ngày đến hạn hợp đồng là 31/5/2021. Tuy nhiên, anh L cho rằng do anh C, chị L1 vi phạm về nghĩa vụ trả lãi theo thỏa thuận nên anh yêu cầu anh C, chị L1 trả lại tiền vay gốc cho anh mặc dù chưa đến hạn hợp đồng.

Tại cấp sơ thẩm, anh C, chị L1 cho rằng sau khi chốt nợ ngày 25/5/2018 hai bên thỏa thuận bằng miệng việc vợ chồng anh C, chị L1 không phải trả lãi cho nguyên đơn mà chỉ trả gốc khi hợp đồng vay đến hạn. Tuy nhiên điều này không được anh L thừa nhận.

Căn cứ khoản 3 Điều 465 của Bộ luật dân sự 2015 quy định về nghĩa vụ của bên cho vay là "*…Không được yêu cầu bên vay trả lại tài sản trước thời hạn, trừ trường hợp quy định tại Điều 470 của Bộ luật dân sự hoặc luật khác có liên quan quy định khác*" và khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự 2015 quy định "*…Đối với hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi thì bên vay có quyền trả lại tài sản trước kỳ hạn, nhưng phải trả toàn bộ lãi theo kỳ hạn, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác*". Như vậy, chỉ có người vay là vợ chồng anh C, chị L1 mới có quyền yêu cầu trả nợ gốc trước kỳ hạn, còn đối với người cho vay anh L không có quyền yêu cầu vợ chồng anh C, chị L1 trả lại tiền vay gốc trước kỳ hạn; đồng thời trong biên nhận cho vay cũng không thỏa thuận việc anh L được quyền yêu cầu trả gốc trước hạn nếu vợ chồng anh C, chị L1 vi phạm về nghĩa vụ trả tiền lãi. Do đó, kháng cáo của anh L về việc yêu cầu anh C, chị L1 trả tiền vay gốc trước kỳ hạn của hợp đồng là không có cơ sở để xem xét.

- Đối với yêu cầu kháng cáo của anh L buộc anh C phải có trách nhiệm cùng chị L1 trả số tiền 50.500.000 đồng mượn đóng hụi, thấy rằng: Tại cấp sơ thẩm, chị L1 đồng ý trả số tiền trên cho anh L, đồng thời xác định số tiền này một mình chị mượn để đóng toàn bộ hụi cho người khác, không mang về sử dụng chung cho gia đình. Về phía anh C xác định bản thân không có lần nào điện thoại cho anh L hẹn trả tiền hụi và cũng không đồng ý cùng chị L1 trả khoản tiền này cho anh L. Hơn nữa, ngoài lời thừa nhận miệng giữa anh L và chị L1 về khoản tiền mượn này, ở cả giai đoạn xét xử sơ thẩm và phúc thẩm anh L cũng không cung cấp được chứng cứ nào khác xác định khoản tiền mượn này của chị L1 có liên quan đến anh C. Do vậy, tòa cấp sơ thẩm chỉ buộc chị L1 trả cho anh L số tiền 50.500.000 đồng là phù hợp, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ xem xét thỏa mãn yêu cầu kháng cáo của anh L về phần này.

Từ những nhận định trên, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của anh Võ Việt C, không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Thanh L, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 32/2020/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện A đã phân tích.

[3]. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Nguyên đơn anh Nguyễn Thanh L phải chịu án phí đối với số tiền yêu cầu không được chấp nhận 557.400.000 đồng là 26.296.000 đồng [20.000.000 đồng + (157.400.000 đồng x 4%)] .

+ Bị đơn anh Võ Việt C, chị Nguyễn Thị L1 phải chịu án phí đối với số tiền 132.613.340 đồng phải trả cho anh Nguyễn Thanh L là 6.630.667 đồng (132.613.340 đồng x 5%).

+ Bị đơn chị Nguyễn Thị L1 chịu án phí đối với số tiền 50.500.000 đồng là 2.525.000 đồng (50.500.000 đồng x 5%).

- Án phí dân sự phúc thẩm:

+ Do kháng cáo của anh Nguyễn Thanh L không được chấp nhận nên phải chịu án phí 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

+ Anh Võ Việt C phải chịu án phí 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 289, Điều 295, khoản 3 Điều 296, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng: Điều 463, khoản 3 Điều 465, Điều 466, Điều 468, khoản 1 Điều 469, khoản 2 Điều 470 - Bộ luật Dân sự.

Căn cứ Điều 147, Điều 148 – Bộ luật tố tụng Dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Võ Việt C.

- Không chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn anh Nguyễn Thanh L.

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2020/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh L.

1. Buộc anh Võ Việt C, chị Nguyễn Thị L1 phải trả cho anh Nguyễn Thanh L tổng cộng **132.613.340** (*Một trăm ba mươi hai triệu sáu trăm mười ba nghìn ba trăm bốn mươi)* đồng, trong đó: tiền lãi 124.913.340 (*Một trăm hai mươi bốn triệu chín trăm mươi ba nghìn ba trăm bốn mươi)* đồng và tiền mượn đóng lãi Ngân hàng là 7.700.000 (*Bảy triệu bảy trăm nghìn)* đồng.

2. Buộc chị Nguyễn Thị L1 phải trả cho anh Nguyễn Thanh L số tiền **50.500.000** (*Năm mươi triệu năm trăm nghìn*) đồng tiền mượn đóng hụi còn thiếu.

3. Bác một phần yêu cầu của anh Nguyễn Thanh L buộc anh Võ Việt C, chị Nguyễn Thị L1 phải trả cho anh số tiền vay gốc 557.400.000 (*Năm trăm năm mươi bảy nghìn bốn trăm)* đồng, trong tổng số tiền 740.513.340 (*Bảy trăm bốn mươi triệu năm trăm mười ba nghìn ba trăm bốn mươi)* đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí:

- *Án phí dân sự sơ thẩm*:

+ Nguyên đơn anh Nguyễn Thanh L phải chịu án phí là 26.296.000 (*Hai mươi sáu triệu hai trăm chín mươi sáu nghìn*) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 16.753.000 (*Mười sáu triệu bảy trăm năm mươi ba nghìn*) đồng theo biên lai thu số 0007762 ngày 29/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Kiên Giang, còn phải nộp tiếp 9.543.000 *(Chín triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn)* đồng.

+ Bị đơn anh Võ Việt C, chị Nguyễn Thị L1 phải chịu án phí: 6.630.667 (*Sáu triệu sáu trăm ba mươi nghìn sáu trăm sáu mươi bảy*) đồng.

+ Bị đơn chị Nguyễn Thị L1 chịu án phí: 2.525.000 đồng (*Hai triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn)* đồng.

- *Án phí dân sự phúc thẩm:*

+ Anh Nguyễn Thanh L phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006004 ngày 25/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Kiên Giang.

+ Anh Võ Việt C phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005937 ngày 08/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Đã ký

Hoàng Thị Thu Hường

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.